

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/DS-PT

Ngày: 11-6-2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
đặt cọc”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương

Các thẩm phán: Ông Bùi Đức Thanh

Bà Phạm Thị Hương Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Công Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về *“Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2019/QĐPT-DS ngày 17/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 24 ngày 10/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35 ngày 28/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Vũ Đình P; Địa chỉ: phường H H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim A; Địa chỉ: quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy H, Luật sư - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Xuân I ; Địa chỉ: phường H H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thúy L; Địa chỉ: phường H H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Vũ Đình P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Vũ Đình P và đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Đình P là bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Do có mối quan hệ làm ăn quen biết với ông Trần Xuân I từ năm 2008, ông P biết được ông I có người thân ở Mỹ mua được xe ô tô nhập khẩu từ Mỹ về Việt Nam nên ông P đã đặt vấn đề nhờ ông I mua hộ.

Ngày 24/8/2016, ông Vũ Đình P và ông Trần Xuân I đã ký văn bản thỏa thuận đặt cọc tiền mua xe ô tô với nội dung: Số tiền đặt cọc là 450.000.000 đồng để cam kết mua xe do ông Trần Xuân I bán, cụ thể là xe ô tô Hyundai 07 chỗ ngồi nguyên chiếc, máy dầu 2.2L – CRDI 4DW màu đồng cát sản xuất năm 2016, được nhập khẩu từ Mỹ, các thông số kỹ thuật đảm bảo vận hành an toàn theo tiêu chuẩn hãng sản xuất xe Hyundai từ nước nhập khẩu, thỏa thuận quy định rõ thời gian giao xe là trước tết dương lịch 2017 (không có giá xe).

Sau đó ông I không giao được xe đúng hạn theo hợp đồng đặt cọc đã thỏa thuận trên. Đến tháng 11/2017, ông P và ông I tiếp tục ký biên bản cam kết, gia hạn thời hạn bàn giao xe, sẽ làm thủ tục mua bán và bàn giao xe vào ngày 08/01/2018. Nhưng ông I đã không thực hiện được, nên trả lại ông P số tiền đặt cọc là 450.000.000 đồng. Sau đó ông P làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ích phải trả số tiền phạt cọc là 450.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Xuân I có lời khai thể hiện:

Ông và ông Vũ Đình P là bạn, chơi với nhau từ năm 2008 nên ông P biết ông I có người quen bên Mỹ, có thể nhờ mua xe ô tô hộ nên đặt vấn đề nhờ ông I mua hộ xe ô tô Hyundai Santafe 07 chỗ. Ông bảo ông P là xe khoảng 800 triệu đồng, ông cứ đưa bao nhiêu thì đưa. Cuối năm 2016, ông P đưa trực tiếp cho ông I là 450.000.000 đồng, do tin tưởng nên không lập giấy tờ giao nhận tiền, sau đó ông I nhờ người thân là em gái định cư ở Mỹ để mua xe ô tô nhưng do chính sách pháp luật thay đổi nên ông không thể nhập khẩu xe ô tô từ Mỹ về Việt Nam giúp ông P được. Tháng 11/2017, ông P đưa cho ông I ký một số giấy tờ nói là thủ tục, do tin tưởng bạn bè nên không đọc nội dung, sau khi ký các giấy tờ trên được 03 ngày thì ông I trả lại ông P 450.000.000 đồng tiền đặt cọc, ông P đã nhận lại số tiền này. Nhưng sau đó ông P lại khởi kiện đòi số tiền 450.000.000đ đồng tiền phạt cọc. Quan điểm ông I không đồng ý, vì ông và ông P không có thỏa thuận từ năm 2016, mà các giấy tờ là do ông P đưa cho ông ký từ cuối năm 2017.

Đại diện bị đơn có lời khai, năm 2010 ông I có nhờ người thân bên Mỹ mua được xe giá rẻ hơn ở Việt Nam và đã mua được 01 xe ô tô để đi, ông P biết là Công ty ông I không kinh doanh xe ô tô nhập khẩu nên ông P chỉ nhờ mua hộ xe ô tô cũ chạy bằng dầu, sản xuất năm 2016.

Người làm chứng ông Nguyễn Đình T có lời khai:

Ông T và ông P là anh em đồng hao, vợ ông T và vợ ông I là đồng nghiệp. Ông không được chứng kiến sự việc giao dịch mua bán gì giữa ông P và ông I. Ông chỉ nghe ông P nói lại là ông I đang cố gắng để mua xe nếu không mua được sẽ thanh toán lại, do trước đó ông T có cho ông P vay 450.000.000 đồng, để mua ô tô nhưng

đến lúc cần tiền mua đất cho con nên ông T mới bảo ông P trả tiền cho ông. Đầu năm 2018, ông T và ông P đến nhà ông I nói chuyện để lấy tiền về, sau đó 03 ngày thì vợ chồng ông I trả tiền lại cho ông P và ông P đã trả lại tiền cho ông T.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 28/12/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã quyết định tuyên bố không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình P về việc yêu cầu ông Trần Xuân I phải trả số tiền phạt cọc là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/01/2019, nguyên đơn ông Vũ Đình P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Đồng thời khẳng định thỏa thuận đặt cọc tiền mua xe ô tô ngày 24/08/2016 giữa nguyên đơn ông Vũ Đình P và bị đơn ông Trần Xuân I là hợp pháp và bị đơn là người có lỗi trong việc không thực hiện được thỏa thuận giao xe cho nguyên đơn như đã cam kết. Do đó, căn cứ Điều 328 BLDS năm 2015, bị đơn phải trả tiền phạt cọc như nguyên đơn đã yêu cầu là đúng quy định của pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng, do trở ngại khách quan nên bị đơn không mua được xe cho nguyên đơn cho dù rất mong muốn và giấy thỏa thuận đặt cọc thực chất được ký vào tháng 11/2017, nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng, bị đơn không có chức năng kinh doanh nhập khẩu xe ô tô, nên giao dịch giữa nguyên đơn ông Vũ Đình P và bị đơn ông Trần Xuân I là vô hiệu theo quy định tại Điều 122, 123 BLDS 2015, cả hai bên đều có lỗi nên bị đơn không phải chịu tiền phạt cọc. Vì vậy, không có căn cứ để chấp đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Đình P; Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn đề nghị hoãn phiên tòa, với lý do chưa nhận được Quyết định thay đổi Thẩm phán là thành viên Hội đồng xét xử, nhưng không đưa ra căn cứ để đề nghị thay đổi Thẩm phán; Đồng thời, trong quá trình hỏi tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa, để làm rõ việc Bị đơn đã chuyển tiền đặt cọc để nhờ mua ô tô chưa; Làm rõ nội dung các cuộc điện thoại giữa Nguyên đơn và Bị đơn, đã được Nguyên đơn ghi âm xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm để xác định Bị đơn đã chuyển ô tô về Hải Phòng chưa; Bị đơn có bán đất để trả tiền cho Nguyên đơn hay không. Tại phiên tòa, đại diện Bị đơn khai đã đưa tiền trực tiếp cho Bố cầm sang Mỹ để nhờ mua xe hộ Nguyên đơn; Nội dung các cuộc điện thoại giữa Nguyên đơn và Bị đơn, đã được Nguyên đơn ghi âm xuất trình tại phiên chưa đủ cơ sở khẳng định đó là cuộc hội thoại giữa Nguyên đơn và Bị đơn; chưa đủ cơ sở khẳng định Bị đơn đã nhập xe ô tô về cảng Hải Phòng, nhưng lại mang bán cho người khác và việc Bị đơn có bán đất để lấy tiền trả cho Nguyên đơn, hay dùng khoản tiền nào khác để trả, không có ý nghĩa xác định lỗi của Bị đơn; Hội đồng xét xử thấy rằng, đề nghị tạm ngừng phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát là không thực sự cần thiết, không có căn cứ để tạm ngừng phiên tòa, nên vẫn tiến hành xét xử theo luật định.

- Về pháp luật áp dụng: Qui định về “Đặt cọc” và “Giao dịch dân sự vô hiệu” tại BLDS 2005 có nội dung và hình thức phù hợp với BLDS 2015, nên căn cứ điểm b khoản 1 điều 688 – BLDS 2015, áp dụng BLDS 2015 để giải quyết.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Đình P:

[2.1] Về tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như:

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử ban hành ngày 08/11/2018, ghi kiểm sát viên Vũ Ngọc Quyên tham gia phiên tòa, nhưng ngày 15/11/2018 thì VKSND thành phố Hạ Long mới có Quyết định phân công kiểm sát viên Vũ Ngọc Quyên tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2018/QĐST-DS ngày 29/11/2018, của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long ghi tên kiểm sát viên là Vũ Thị Cẩm Vân, mà không có tên kiểm sát viên Vũ Ngọc Quyên – là thiếu sót và có sự nhầm lẫn; Nhưng tại Biên bản phiên tòa ngày 29/11/2018, thể hiện kiểm sát viên là Vũ Ngọc Quyên như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thực tế tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/12/2018 do kiểm sát viên Vũ Ngọc Quyên tham gia, nên không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 236 BLTTDS năm 2015, quy định kiểm sát viên có quyền xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa và ký xác nhận; Nhưng kiểm sát viên không có yêu cầu, bổ sung, sửa đổi nào nên không ký là phù hợp, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Việc áp dụng một số Thông tư được Tòa án cấp sơ thẩm viện dẫn như: Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 20/2011/TT-BCT ngày 12/5/2011; Điều 1 Thông tư số 04/2017/TT-BCT ngày 09/3/2017; Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 28/2017/TT-BCT, ngày 08/12/2017 là không phù hợp, nên Tòa án cấp phúc thẩm cần xem xét sửa đổi.

[2.2] Về nội dung: Ngày 26/8/2016, ông Vũ Đình P và ông Trần Xuân I thống nhất thỏa thuận ký hợp đồng đặt cọc, với nội dung: Ông P đặt cọc trước cho ông I 450.000.000 đồng để mua và ông I đồng ý bán loại xe ô tô Hyundai Santafe 07 chỗ nhập khẩu từ Mỹ, sản xuất năm 2016 và thời gian giao xe trước Tết Dương lịch năm 2017, nhưng **không ghi giá xe**.

Xét thỏa thuận hợp đồng đặt cọc giữa ông Vũ Đình P và ông Trần Xuân I, Hội đồng xét xử thấy: Do có mối quan hệ làm ăn quen biết từ năm 2008, ông P biết ông I có người thân định cư ở Mỹ có thể mua được xe ô tô sản xuất tại Mỹ nhập khẩu về

Việt Nam, nên ông P đã nhờ ông Ích mua hộ, ông I đồng ý và nói giá xe khoảng hơn 800.000.000 đồng.

Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật việc kinh doanh mua bán xe ô tô nhập khẩu là loại hàng hóa kinh doanh có điều kiện, Thương nhân phải đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh (Quy định tại điểm a,b khoản 1 điều 9, Nghị định số 187/2013/NĐ – CP, ngày 20/11/2013; Điểm 4,5 điều 6, Thông tư số 04/2014/ TT – BCT, ngày 27/01/2014; Điều 3,4 Thông tư số 143/2015/ TT – BTC, ngày 11/9/2015; Điều 14, 15, 16 Nghị định 116/2017/CP ngày 17/10/2017 qui định về điều kiện, thủ tục cấp phép nhập khẩu ô tô). Ông P và ông I ký hợp đồng đặt cọc với tư cách là cá nhân với nhau, bản thân ông I không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh nhập khẩu xe ô tô và ngay cả doanh nghiệp do ông I làm chủ là Công ty Cổ phần P L cũng không đăng ký kinh doanh nhập khẩu xe ô tô. Việc ký hợp đồng đặt cọc giữa ông P và ông I đã vi phạm các quy định của pháp luật về mua bán nhập khẩu xe ô tô, vi phạm Điều 117, Điều 122, Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên hợp đồng này vô hiệu và không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên.

Xác định lỗi của các bên: Cả ông P và ông I khi ký hợp đồng đặt cọc đã không xem xét các quy định của pháp luật về điều kiện mua bán xe ô tô nhập khẩu, nên cả hai bên đều có lỗi làm cho giao dịch vô hiệu, nên thiệt hại các bên phải tự chịu và yêu cầu phạt đặt cọc của ông P không có căn cứ.

Căn cứ theo quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP, ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao:

“1. Tranh chấp hợp đồng dân sự có đặt cọc:

.....

Trong trường hợp có tranh chấp về đặt cọc mà các bên không có thoả thuận khác về việc xử lý đặt cọc, thì việc xử lý được thực hiện như sau:

a. Trong trường hợp đặt cọc chỉ để bảo đảm cho việc giao kết hợp đồng hoặc chỉ để bảo đảm cho việc thực hiện hợp đồng hoặc vừa để bảo đảm cho việc giao kết hợp đồng vừa để bảo đảm cho việc thực hiện hợp đồng thì bên nào có lỗi làm cho

hợp đồng không được giao kết hoặc không được thực hiện hoặc bị vô hiệu, thì phải chịu phạt cọc theo quy định tại khoản 2 Điều 363 BLDS.

.....

d. Trong các trường hợp được hướng dẫn tại các điểm a và c mục 1 này, nếu cả hai bên cùng có lỗi hoặc trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan thì không phạt cọc”.

Mặt khác, thực tế ông I cũng đã từng nhờ em gái mua được ô tô nhập khẩu từ Mỹ về Việt Nam để sử dụng (có thể dưới dạng quà tặng, quà biếu), nên ông mới đồng ý mua hộ ông P; nhưng hoàn toàn phụ thuộc vào chính sách quản lý của Nhà nước ở từng thời điểm và hoàn toàn phụ thuộc vào người thân bên Mỹ và Đại lý nhập khẩu; Vì ông I không có xe ô tô để bán và cũng không có đủ điều kiện nhập khẩu xe để bán cho ông P; ông P biết rõ điều này và không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh rằng ông I có khả năng bán xe ô tô cho ông P, nhưng cố tình từ chối thực hiện. Do đó, việc ông I không thực hiện được thỏa thuận là do yếu tố khách quan.

Căn cứ theo Án lệ số 25/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: “*Trường hợp bên nhận đặt cọc không thể thực hiện đúng cam kết là do yếu tố khách quan và bên nhận đặt cọc không phải chịu phạt cọc*”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xuất trình file ghi âm các cuộc điện thoại giữa ông P và ông I, thấy rằng không có đủ căn cứ xác minh được các file ghi âm có đúng là cuộc hội thoại giữa ông P và ông I hay không, và cũng không chứng minh được việc ông I đã mua được xe đưa về Hải Phòng nhưng không bán cho ông P, nên điều này không làm thay đổi bản chất vụ án.

Như vậy, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án một cách khách quan,

toàn diện. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Đình P.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông P phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Đình P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 688, các Điều 117, 122, 123, 328, 407 - Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm a,b khoản 1 điều 9, Nghị định số 187/2013/NĐ – CP, ngày 20/11/2013; Điểm 4,5 điều 6, Thông tư số 04/2014/ TT – BCT, ngày 27/01/2014; Điều 3,4 Thông tư số 143/2015/ TT – BTC, ngày 11/9/2015; Điều 14, 15, 16 Nghị định 116/2017/CP ngày 17/10/2017 qui định về điều kiện, thủ tục cấp phép nhập khẩu ô tô; Điểm a, d Điều 1 Nghị quyết 01/2003/HĐTP, ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Án lệ số 25/2018/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình P, về việc yêu cầu ông Trần Xuân I phải trả số tiền phạt cọc là 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí:

Buộc ông Vũ Đình P phải chịu 22.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông P đã nộp 11.000.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0002972 ngày 22/05/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long; Ông Vũ Đình P còn phải nộp 11.000.000 đồng.

Buộc ông Vũ Đình P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; ông P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0000668 ngày 25/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, ông Phong đã thi hành xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Vương

